

## Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

## Tập 131

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi tám, xem từ hàng cuối cùng:

“*Thiện năng phân biệt chúng sanh ngữ ngôn*” (khéo có thể phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh). Trong các bản dịch gốc, câu kinh văn này trích từ bản Đường dịch; kinh văn trong bản Ngụy dịch ghi là “*nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết*” (hiểu ngôn âm của đại chúng, nhằm khai hóa hết thảy). Ý nghĩa như nhau, nhưng văn tự được phiên dịch khác nhau. Chúng ta đọc phần chú giải dưới đó: “*Tịnh Ảnh Sớ viết: Nhập vị giải dã, vị giải chúng sanh chủng chủng ngôn âm, dụng chi khởi thuyết. Hội Sớ dẫn Mật Tích kinh vân: Thử tam thiên đại thiên thế giới hữu bát thập tứ ức bách thiên cai chúng sanh chi loại, ngôn từ các dị, kế thị nhất thiết giai quy nhất nghĩa chí chân chi huệ, Bồ Tát ứng thù xướng dị ngôn, thuyết pháp khai hóa. Mật Tích kinh phục vân: Thử Bồ Tát năng nhập chủng chủng ngôn âm, năng thuyết pháp khai hóa*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Nhập có nghĩa là hiểu; hiểu biết các ngôn âm của chúng sanh, dùng đó để khởi lên các lời nói”. Hội Sớ dẫn lời kinh Mật Tích như sau: “Tam thiên đại thiên thế giới này có tám mươi bốn trăm ngàn cai loại chúng sanh, ngôn từ đều khác biệt” (Cai là một trăm triệu). Xét ra, hết thảy đều quy về trí huệ nhất nghĩa chí chân. Bồ Tát thuận theo các loại chúng sanh sai khác mà nói những lời khác nhau để thuyết pháp, khai hóa. Kinh Mật Tích cũng chép: “Bồ Tát này có thể nhập các thứ ngôn âm, nên có thể thuyết pháp, khai hóa”). Chúng ta xem đến chỗ này.

Đây là [câu kinh văn được ghi trong] bản dịch của ngài Khang Tăng Khải: “*Nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết*”. Tịnh Ảnh Sớ là tác phẩm chú giải bản Ngụy dịch. Bản chú giải này được lưu thông rất rộng tại Trung Quốc, người đọc rất nhiều. Tịnh Ảnh là ngài Tiểu Huệ Viễn, tức là pháp sư Huệ Viễn đời Tùy. Ngài chú giải chữ Nhập (入), Nhập có nghĩa là Giải (解), tức là lý giải. Không chỉ lý giải, mà còn lý giải ở một mức độ khá sâu, nên dùng chữ Nhập, chẳng dùng chữ Giải. Ý nghĩa là “*vị giải chúng sanh chủng chủng ngôn âm, dụng chi khởi thuyết*” (có nghĩa là hiểu các thứ ngôn ngữ, âm thanh của chúng sanh, dùng điều đó để khởi lên các lời nói). Câu này nói theo cách hiện thời sẽ là “*thiên tài ngôn ngữ*”, trong Phật pháp gọi là Vô Ngại Biện Tài. Người ấy có thể hiểu ngôn âm, ngôn ngữ của hết thảy chúng

sanh. Người ấy đã có thể hiểu, lại còn có thể sử dụng ngôn ngữ giống hệt như họ để thuyết pháp, chỉ dạy họ, giúp họ khai ngộ. Chữ Nhập này có ý nghĩa sâu xa! Nếu chẳng tinh thông ngôn ngữ cùng loại với chúng sanh, làm sao quý vị có thể dạy họ cho được? Bồ Tát chẳng thể thiếu năng lực ấy. Nếu thiếu, sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Chúng sanh có bao nhiêu? Quá nhiều! Đúng là vô lượng vô biên, chẳng có cùng tận!

Trong đoạn kinh Mật Tích được sách Hội Sớ trích dẫn, đã nói đến khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, ở ngoài khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca bèn chẳng nói đến, chỉ nói một khu vực giáo hóa này. Khu vực giáo hóa này là một tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới (Trisāhasra Mahāsāhasra Lokadhātu), thừa cùng chư vị, là một đại thiên thế giới. Vì sao nói một đại thiên thế giới là tam thiên? Nó được kết hợp bởi tiểu thiên (Sāhasra Cūḍika Lokadhātu), trung thiên (Dvisāhasra Madhyama Lokadhātu), và đại thiên thành một đại thiên thế giới, những điều này trong phần trước đã có nói rồi. Láy núi Tu Di (Sumeru) làm trung tâm, vây quanh núi Tu Di là bốn đại bộ châu, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, đó là một đơn vị thế giới (tiểu thiên thế giới). Trước kia, rất nhiều người trong chúng ta hiểu lầm, tôi cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều nghĩ Thái Dương Hệ là một đơn vị thế giới. Sau này, gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ là một người học khoa học, dạy môn vô tuyến điện trong nhà trường, cụ dạy môn ấy. Cụ cũng tu trì Phật pháp rất tốt đẹp, có thể nói là “*thông Tông, thông Giáo, Hiển, Mật viên dung*”, chẳng phải là một vị cư sĩ bình phàm. Chúng tôi thường nói cụ phải thuộc vào đẳng cấp Bồ Tát. Cụ bảo tôi: “Đức Phật nói một đơn vị thế giới, trên thực tế là một hệ Ngân Hà như trong khoa học hiện tại đã nói”. Tôi nghe cụ nói lời ấy, suy nghĩ cũng thấy rất có lý, vì sao? Trung tâm của một đơn vị thế giới là núi Tu Di, quý vị thấy mặt trời cũng xoay quanh lưng chừng núi Tu Di. Thái Dương Hệ đúng là xoay quanh bên ngoài hệ Ngân Hà. Trung tâm của hệ Ngân Hà là Lỗ Đen (Black Hole), các khoa học gia hiện thời cho biết [trung tâm của hệ Ngân Hà] là một lỗ đen rất lớn.

..... Chính giữa Ngân Hà là lỗ đen có sức hút quá lớn, ngay cả ánh sáng cũng chẳng thoát ra được, đều bị hút vào đó! Sức hút mạnh dường ấy! Nếu sức hút ấy trực tiếp đối diện với mặt trời, [sẽ tạo thành] những cơn bão trên bề mặt của mặt trời. Chúng ta biết mặt trời là một quả cầu lửa, là một khối lửa to, hoặc biển lửa. Dường như mặt trời to hơn địa cầu một trăm ba mươi vạn lần. Thể tích ấy so với địa cầu to dường ấy, là một biển lửa. Sức hút ấy tạo thành cơn bão mặt trời, bão mặt trời có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến địa cầu..... Cũng có người nói điều này sẽ khiến cho địa cầu nảy sanh vấn đề, vấn đề gì vậy? Trên địa cầu có rất nhiều núi lửa, sức hút ấy khiến cho núi lửa trên địa cầu bùng nổ, vấn đề bèn nghiêm trọng. Nếu các núi lửa trên địa cầu đều bùng nổ, sẽ gây nên động đất nghiêm trọng. Dưới

đáy biển cũng có rất nhiều núi lửa, sẽ gây ra sóng thần rất lớn, phiền phức to lớn.

Chúng ta chớ nên chảnh nghiêm túc niệm Phật. Niệm Phật sẽ không sợ, sẽ thấy [những tai nạn vừa nói trên đây] như một công nghiệp, do công nghiệp cảm vôi..... Chính vì người trên địa cầu vứt bỏ luân lý đạo đức, vứt bỏ giáo huấn của tổ tiên và thần thánh, tạo tác hết thảy ác nghiệp chảnh kiêng dè mảy may! Chảnh đáng sợ ư? Nói theo thời cổ, người tạo nên tội nghiệp bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, trời đất chảnh dung, tai nạn hiện thời là do trời đất chảnh dung! Có phải là chuyện trùng hợp hay không? Tôi nghĩ cũng có thể là như vậy! Nếu mọi người trên địa cầu đều có thể tuân thủ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, vâng giữ luân lý, đạo đức, thông đạt, hiểu rõ chân tướng sự thật nhân quả, mỗi người trên thế gian này đều là người tốt, đều là thượng phẩm Thập Thiện, sẽ chẳng xảy ra tai nạn ấy. Nói như vậy có hợp lý hay không? Nói theo Phật pháp thì cũng hợp lý, vì sao? Trong kinh, đức Phật đã dạy rất nhiều lần: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Tâm địa thuần thiện thuần tịnh, có thể khiến cho sức mạnh của tai nạn giảm nhẹ..... Do trong kinh đức Phật đã nói: *“Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt”*. Thiện tâm, thiện hạnh của chúng ta kết hợp lại, tai nạn là *“chúng sanh”*, vì do các duyên hòa hợp mà sanh ra hiện tượng ấy. Trong ba điều ấy, do có thiện tâm và chúng sanh kết hợp lại, sẽ thành hai phần ba, chắc chắn là hai điều ấy trội hơn một phần ba. Chúng ta liên tưởng đến vấn đề lý luận như thế, bèn có lý do để tin tưởng vấn đề này có thể khắc phục được. Điều trọng yếu là nhân loại chúng ta phải quay đầu..... Đối với chúng ta mà nói, chuyện này cũng không phải là chuyện xấu, mà là chuyện tốt, nhắc nhở chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực tu hành.

Theo kinh dạy, [khu vực giáo hóa của] Thích Ca Mâu Ni Phật là một tam thiên đại thiên thế giới; trong một tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức. Nếu chúng ta coi một hệ Ngân Hà trong vũ trụ là một đơn vị thế giới thì tam thiên đại thiên thế giới có tất cả mười ức đơn vị thế giới. Phạm vi to lớn như vậy là khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Khu vực giáo hóa của lão nhân gia to dường ấy, thế giới ấy có tên là thế giới Sa Bà. Trong thế giới này, có bao nhiêu chủng loại chúng sanh? *“Hữu bát thập tứ ức bách thiên cai chúng sanh chi loại”* (có tám mươi bốn ức trăm ngàn cai loại chúng sanh). *“Cai”* (垓) là tên một số đếm của Trung Quốc vào thời cổ, giống như hiện thời chúng ta nói đơn vị, mười, trăm, ngàn, vạn, mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn. Một vạn vạn là Ức (億), một vạn Ức là

Triệu (兆)<sup>1</sup>, đây là một con số lớn, mười Triệu là Kinh (經), giống như chữ Kinh trong kinh điển. Mười Kinh là một Cai, con số to như vậy đó. Các loài chúng sanh nhiều ngàn ấy. Những chúng sanh ấy ngôn ngữ mỗi loài mỗi khác, [tức là] nói đến ngôn ngữ thì mỗi loài có ngôn ngữ riêng. Chúng ta chẳng cần nói tới súc sanh, ngựa quý, chẳng bàn tới những loài ấy, chỉ nói về nhân loại chúng ta, chẳng nói tới ngoại quốc, chỉ nói Trung Quốc thì phương ngôn (ngôn ngữ địa phương) của Trung Quốc có bao nhiêu loại? Có đến một vạn loại hay không? Chúng tôi tin là có thể như vậy. Đối với các dòng họ tại Trung Quốc, nay chúng ta lập Vạn Tánh Tiên Tổ Kỷ Niệm Đường, các dòng họ tại Trung Quốc có hơn hai vạn bốn ngàn. Sống trong cùng một cuộc đất mà ngôn ngữ khác nhau. Hiện thời, giao thông thuận tiện, nhanh chóng, thông tin phát triển, có Internet và các phương tiện truyền thông, TV phát sóng mỗi ngày, tiếng Phổ Thông biến thành một ngôn ngữ chung [của người Trung Hoa]. Trừ tiếng Phổ Thông ra, còn có phương ngôn của các địa phương, khác hẳn nhau. Thuở bé, tôi sống ở Phước Kiến, nên tôi biết tiếng Phước Kiến rất phức tạp, người ở trong thành và người ngoài thành nói năng khác nhau. Sau khi ra khỏi thành, nghe người ngoài thành nói chuyện, có rất nhiều câu chúng tôi nghe chẳng hiểu, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Bồ Tát không đơn giản, Ngài thông thạo toàn bộ các loại ngôn ngữ. Ngài có cần phải học hay không? Chẳng cần học! Chẳng cần phải học mà có thể thông suốt, nay chúng ta có lý do để tin tưởng. Từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, chúng ta đã thấy tin tức này. Nước là khoáng vật, chẳng phải là sinh vật, mà có thể hiểu các thứ ngôn ngữ khác nhau, có thể nhận biết các thứ văn tự khác nhau. Hết thầy chúng sanh khởi tâm động niệm, nước đều biết toàn bộ. Dựa vào gì? Câu kệ tiếp [trong sách Chú Giải] đã nêu bày: “*Ké thị nhất thiết giai quy nhất nghĩa chí chân chi huệ*” (xét ra, hết thầy đều quy về trí huệ nhất nghĩa chí chân). “*Huệ*” (惠) ở đây là trí huệ. Thời cổ, hai chữ này (tức là 惠 và 慧) được dùng lẫn lộn, nhưng hiện thời [hễ nói đến “trí huệ”], chúng ta luôn viết là Huệ (慧) như trong chữ trí huệ. “*Chí chân chi huệ*” (trí huệ chân thật tốt bậc) là trí huệ sẵn có trong bản tánh. Chỉ cần quý vị kiến tánh, vấn đề liền được giải quyết. Chưa kiến tánh thì phải học; đã kiến tánh, chẳng cần học! Hễ kiến tánh, quý vị liền biết toàn bộ, bất luận loài chúng sanh nào nói ngôn ngữ nào, quý vị đều nghe hiểu, vì sao? Hết thầy các pháp chẳng lìa tự tánh, trí huệ trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn!

<sup>1</sup> Xin lưu ý cách tính theo lối cổ này khác với cách hiểu thông thường về chữ Triệu (million) hiện thời. Theo cách hiểu hiện thời, Triệu là một trăm vạn, tức sáu số 0 sau số 1, còn Triệu trong cách tính này là một vạn ức, mà Ưc là một vạn vạn, tức là Ưc=10.000x10.000, như vậy Triệu ở đây là 10.000x10.000x10.000 (12 số 0 sau số 1; như vậy triệu của Trung Hoa bằng một triệu triệu thông thường). Mười Triệu là một Kinh, mười Kinh là một Cai. Do đó, Cai là 10x10=100 Triệu, tức là là mười bốn số 0 sau số 1.

Chúng ta học Phật, mục tiêu chung cực là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Nói theo lý luận, chuyện này rất đơn giản, mỗi người chúng ta đều có tự tánh. Đã thế, tự tánh là một, chẳng phải là rất nhiều. Kinh Phật thường tỷ dụ “*tánh hải*” (性海) [tức là] tự tánh giống như biển cả. Mỗi cá nhân chúng ta giống như một bọt nước trôi lên trong biển cả, có rời khỏi biển cả hay không? Chẳng rời khỏi! Nhưng khi bọt nước chưa vỡ, dường như mỗi bọt nước độc lập, có cái này, cái kia. Bọt nước vỡ tan, trở về tự tánh, bèn là một tánh, chẳng có chướng ngại, chẳng có đây kia, chẳng có đối lập. Trở về tự tánh bèn gọi là “*thành Phật*”, Bồ Tát vẫn chưa trở về tự tánh, Phật đã trở về tự tánh. Vì lẽ đó, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, Pháp Thân là biển cả. Trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Chưa chứng Pháp Thân, mỗi người chúng ta đều giống như bọt nước, đây kia chẳng liên can gì với nhau. Sau khi đã chứng Pháp Thân, bèn biết chúng ta là một Thể. Một Thể thì chẳng phải vấn đề gì cũng đều giải quyết ư? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước toàn bộ đều chẳng có, quét sạch sành sanh! Do đó, “*hết thảy*”, “*hết thảy*” ở đây là tám mươi bốn ức trăm ngàn cai các loại chúng sanh vừa nói trong phần trên, nói “*hết thảy*” là nói tới điều này, hết thảy đều quy vào một nghĩa, nghĩa ấy là Đệ Nhất Nghĩa. “*Trí huệ chí chân*” trong tự tánh chính là trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh.

Bồ Tát ở đây là Pháp Thân Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát là chư Phật Như Lai, chẳng phải là Bồ Tát trong mười pháp giới. Các Ngài là các vị Bồ Tát nơi cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong hội Hoa Nghiêm. Tuy các vị Bồ Tát đều đã khai ngộ, đều đã phá vô minh, nhưng tập khí vô minh dày mỏng khác nhau. Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói ra bốn mươi một địa vị, [tức là] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, nói các địa vị nhiều ngàn ấy. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều kiến tánh, đều minh tâm kiến tánh, nên các Ngài đều có năng lực ấy. Quý vị thấy “*ứng thù xướng dị ngôn*” (ứng với các loài khác nhau mà nói ngôn ngữ khác nhau). “*Thù*” (殊) là khác nhau, “*dị*” (異) cũng là chẳng giống nhau. [“*Dị ngôn*”] là ngôn ngữ âm thanh khác nhau. “*Xướng*” (唱) là phát ra âm thanh. Chữ Dị kế sau đó nhằm nói tới ngôn ngữ, mỗi ngôn ngữ có âm thanh khác nhau, Bồ Tát có thể ứng [theo từng loài như vậy]. “*Thuyết pháp khai hóa*”: “*Khai*” (開) là khai thị, “*hóa*” (化) là giáo hóa, giúp đỡ các chúng sanh, giúp chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc. Duyên giữa Bồ Tát và chúng sanh vô cùng vi diệu, chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát liền ứng. Sự cảm ấy, có trường hợp chính mình biết, có khi chính mình về căn bản là chẳng biết. Bản thân chúng ta

cũng không biết, nhưng Phật, Bồ Tát biết, các Ngài nhất định ứng đến. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn!

Cảm có bốn loại, ứng cũng có bốn loại. Có hiển cảm hiển ứng (cảm và ứng đều rõ rệt): Chúng ta cầu Phật, Bồ Tát rõ rệt. Giống như chúng ta là những người niệm A Di Đà Phật, hết sức rõ ràng, tự mình biết chính mình đang làm gì, niệm Phật cầu Phật tiếp dẫn chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc thế giới; đó là “hiển cảm”. A Di Đà Phật đối với chúng ta cũng là “hiển ứng”. Ngài thật sự đến tiếp dẫn chúng ta, nhưng vào khi nào? Khi chúng ta đã hết nghiệp báo ở nơi đây. Nghiệp báo chưa hết, chúng ta mong cầu, A Di Đà Phật biết rõ, Ngài chờ đợi bên đó, nhìn ngó, đến khi nào quý vị đã hết nghiệp báo, Ngài liền đến, chẳng phải là không đến. Đó gọi là “*hiển cảm hiển ứng*”. Còn có hiển cảm minh ứng (cảm rõ rệt, ứng ngầm ngầm), [tức là] chúng ta cầu A Di Đà Phật rất rõ rệt, A Di Đà Phật chẳng ứng rõ rệt, nhưng đã ngầm ngầm chiếu cố, luôn luôn giúp đỡ chúng ta, thế mà chính chúng ta trọn chẳng hay biết. Chúng ta công phu học tập càng cao, [chẳng hạn] như đã đắc tâm thanh tịnh, hoặc đắc tâm bình đẳng, bèn biết, biết Phật đang âm thầm gia trì chúng ta. Nay chúng ta tâm trí xáo động, hời hợt, Phật ứng ngầm ngầm, chúng ta chẳng có cách nào cảm nhận, nguyên nhân là như thế đó. Còn có một loại nữa là minh cảm hiển ứng. Dường như chúng ta chẳng sanh khởi ý niệm cầu Phật, nhưng trên thực tế là có, mà chính mình cũng chẳng biết. Phật, Bồ Tát tiếp nhận tin tức ấy, bèn biết, Ngài cũng có khi ứng rõ rệt, hoặc ứng ngầm ngầm.

Nói tổng quát một lời, một người thật sự niệm Phật, không chỉ là A Di Đà Phật biết, chiếu cố quý vị, mà còn có nhiều vị thần hộ pháp, cũng như các vị Phật, Bồ Tát có duyên với chúng ta trong đời quá khứ, các Ngài đều chiếu cố. Chúng ta có một phương pháp để có thể trực tiếp trao đổi với các Ngài, cổ đại đức gọi phương pháp ấy là “*thành tắc linh*” (hễ thành ắt linh), câu ấy vô cùng trọng yếu!

Một hiện tượng phổ biến trong dân gian là siêu độ, chúng ta luôn hy vọng siêu độ người nhà, quyến thuộc đã mất [được sanh] về một nơi tốt đẹp thì mới an tâm. Tìm người nào đến siêu độ? Phải tìm người thật sự tu hành, người có công phu tu hành thì mới có năng lực siêu độ. Công phu là gì? Thừa cùng chư vị, Giới, Định, Huệ là công phu. Chẳng có công phu ấy thì đều là giả, đều chẳng trông cậy được! Chúng ta đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Úc Lục của pháp sư Đàm Hư. Đó là tự truyện của lão pháp sư, lão nhân gia kể chuyện đời Ngài, học trò ghi lại thành một quyển sách như vậy. Tôi chưa từng gặp mặt lão hòa thượng, nhưng người viết cuốn sách ấy tôi rất thân quen, đó là pháp sư Đại Quang, Sư cũng đã vãng sanh. Năm xưa, tôi đến Hương Cảng, mỗi lần sang đó, chúng tôi nhất định gặp mặt. Cuốn Ảnh Trần

Hồi Ưc Lục do Sư viết; trong ấy có một câu chuyện hết sức rõ rệt, là một tấm gương, chúng ta hãy nên ghi nhớ. Câu chuyện ấy có tiêu đề là “*tám năm chuyên gắng đọc kinh Lăng Nghiêm*”. [Nhân vật chính trong câu chuyện ấy] là Lưu cư sĩ, về sau, ông ta cũng xuất gia. Những người ấy hiện thời đã mất, đại khái là người vào thời đó cao hơn chúng tôi hai thế hệ. Lão hòa thượng Đệ Nhân là sư phụ của lão pháp sư Đàm Hư. Thuở còn tại gia, pháp sư Đàm Hư quen biết Lưu cư sĩ. Pháp sư Đàm Hư và Lưu cư sĩ là bạn bè, trước khi họ xuất gia, ba người (tức pháp sư Đàm Hư, Lưu cư sĩ và một người bạn nữa) hùn vốn mở một tiệm thuốc Bắc. Thuở ấy, Lưu cư sĩ đã học Phật, mỗi ngày đọc kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm phân lượng cũng khá đáng nể, mười cuốn, văn tự rất dài. Mỗi ngày đọc một lần cũng phải mất vài giờ, chẳng dành ra năm sáu giờ [mỗi ngày] sẽ không thể niệm xong bộ kinh này. [Ông Lưu làm như thế suốt] tám năm! Có công phu Thiên Định hay không chúng ta chẳng biết, nhưng chúng ta có thể biết ông ta tâm địa thanh tịnh! Tám năm một bộ kinh, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

Có một hôm, vào giữa trưa, chẳng có ai đến tiệm mua bán, họ ngủ gục nơi quầy thuốc. Lưu cư sĩ mộng thấy có hai người, trong mộng thấy hai người ấy vào tiệm. Ông ta trông thấy [có khách đến] bèn đứng lên, thoạt nhìn thì ra hai người ấy là oan gia đối đầu, hai người đó đã chết. Thuở họ còn sống, vì chuyện tiền bạc mà lôi nhau ra tòa, Lưu cư sĩ được quan tòa xử thắng kiện, hai người ấy bị xử thua. Chẳng ngờ, hai người ấy thất cổ chết, nên Lưu cư sĩ cũng vì chuyện này mà cảm thấy rất áy náy. Quý vị nghĩ xem: Vì tranh chấp món tiền nhỏ nhoi ấy mà khiến cho hai người mất mạng, ông Lưu cũng thường cảm thấy khó chịu, [cảm thấy] mình đã sai quấy, chẳng nên làm chuyện ấy. Nay thấy hai con quỷ ấy đi đến, thoạt đầu, ông ta rất sợ hãi, có phải là họ đến báo thù hay chẳng? Nhưng quỷ đã đến rồi, còn có cách nào nữa? Ông ta thấy hai quỷ hồn quỳ ngay xuống đất trước mặt ông ta, dường như chẳng có ác ý, liền hỏi họ: “Các vị đến làm gì?” “Đến cầu siêu độ”. Lưu cư sĩ bèn yên tâm, họ không tìm đến gây rối, mà đến cầu siêu độ. Ông ta hỏi: “Dùng phương pháp gì để siêu độ quý vị?” Họ đáp: “Chỉ cần Ngài đáp ứng là được rồi”. Ông Lưu nói: “Được! Tôi chấp thuận”. Ông ta thấy quỷ hồn đập lên đầu gối, đập lên vai rồi ra đi. Hai người ấy siêu thăng như vậy đó. Họ biến mất chưa được mấy chốc, lại có hai người đến, là một phụ nữ dắt theo một đứa nhỏ. Ông ta thấy chính là người vợ trước kia dẫn con đến, hai người ấy đều đã chết. Thấy hai người họ cũng đến trước mặt cầu siêu độ, cũng là cùng một phương pháp giống hệt: “Chỉ cần Ngài đáp ứng là được rồi”. Ông ta đáp: “Tôi chấp nhận”. Thấy hai người ấy cũng bò từ đầu gối lên đến vai, liền thăng thiên, biến mất. Quý vị thấy siêu độ là thật, chẳng giả, chẳng có bất cứ nghi thức gì, chỉ là đáp ứng. Nhờ vào gì để siêu độ? Nhờ vào công đức tám năm chuyên gắng đọc kinh Lăng Nghiêm. Quý vị thật sự đặc điều gì thì mới có thể siêu độ người khác; chẳng có thứ gì chân

thật sẽ chẳng được! Vì thế, cổ nhân nói “*Thành tắc linh*”. Chúng ta niệm một bộ kinh hồi hướng cho người ta, quý vị có phải là tâm chân thành niệm bộ kinh ấy hay không? Tâm chân thành là gì? Niệm bộ kinh ấy từ đầu đến cuối, trong tâm chẳng có một tạp niệm. Nếu dấy lên một vọng tưởng, công phu của quý vị đã bị phá hoại. Một vọng niệm chẳng có thì được! Quý vị nói xem: Chúng ta làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm, trong những người tham gia đông đảo ngàn ấy, có được một hai người chẳng khởi một vọng niệm đối với nghi thức Hệ Niệm hay không? Pháp hội ấy thành công, không nhất định do chủ pháp hòa thượng. Chủ pháp hòa thượng khởi vọng tưởng, nhưng trong những người tham gia, chỉ cần có một người chẳng dấy vọng tưởng, pháp hội ấy thành công do dựa vào công đức của một người ấy! Nếu pháp hội ấy rất đông người, mà chẳng có được một người nào như vậy, công đức ấy sẽ chẳng hoàn chỉnh, bị giảm bớt rất lớn. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

Quý vị thấy trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn đã nêu một thí dụ: Đạo sĩ vẽ bùa. Đạo bùa ấy vẽ rất linh, dán ở cửa, quỷ thần đều chẳng dám bước vào, thật sự thiêng! Vì sao? [Để vẽ] đạo bùa ấy, người đó sau khi vạch một nét [đầu tiên] bèn một mực vẽ cho đến lúc xong xuôi, chẳng có một vọng niệm, đạo bùa ấy bèn linh. Nếu có một vọng niệm, đạo bùa ấy chẳng linh. Vì lẽ đó, vẽ bùa phải được thường xuyên luyện tập. Luyện rất nhuần nhuyễn, động tác rất nhanh, rất nhanh thì thời gian vẽ ngắn ngủi, dễ dàng chẳng khởi vọng niệm, thời gian dài bèn khó hơn. Khó hơn [mà làm được] thì hiệu quả càng to. Chúng ta hiểu nguyên lý sau đây: “*Thành tắc linh*”. Niệm chú cũng giống như vậy! Vì sao người ta nói chú Lăng Nghiêm công đức to lớn? Chẳng sai! Chú Lăng Nghiêm dài, mấy ngàn chữ. Niệm chú xong, ước chừng phải mất hai mươi phút, không khởi một vọng niệm, công phu ấy to lắm! Quý vị niệm chú Vãng Sanh chẳng khởi vọng niệm, dễ dàng! Chú Lăng Nghiêm chẳng dễ dàng, đều do đạo lý này. Công đức niệm kinh càng thù thắng hơn nữa, kinh còn dài hơn chú. Đơn giản nhất là một câu Phật hiệu “A Di Đà Phật” bốn chữ. Trong bốn chữ ấy, chẳng có vọng niệm khá dễ dàng! Nhưng bảo quý vị niệm một chuỗi, chúng ta lần tràng hạt niệm một trăm lẻ tám câu. Trong một trăm lẻ tám câu ấy, chẳng có một vọng niệm, đó là công phu! Nếu quý vị niệm mười chuỗi, đối với một ngàn lẻ tám mươi câu Phật hiệu, trong ấy chẳng dấy lên một vọng niệm, công phu đấy! Dùng điều này để hồi hướng, quý vị hồi hướng công đức ấy cho người chết, họ sẽ thật sự được lợi ích. Tuyệt đối chẳng phải là ta niệm một bộ kinh bèn có thể siêu độ họ, niệm bao nhiêu biến chú bèn có thể siêu độ! Chẳng phải là như vậy, quý vị đã hiểu sai ý nghĩa! Dùng tâm chân thành để niệm. Tâm chân thành là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Chúng ta hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ chẳng bị kẻ khác lừa gạt. Quý vị thỉnh người đến siêu độ cho người nhà, quyền thuộc của chính mình, hãy ở bên cạnh quan sát, kẻ ấy có thành ý hay không, quý vị có thể nhìn ra. Vì vậy, chẳng có



công phu chân thật, làm sao có thể siêu độ chúng sanh? Các vị Phật, Bồ Tát đều minh tâm kiến tánh, đương nhiên chẳng có vấn đề, trọn đủ thanh tịnh, bình đẳng, giác.

“*Mật Tích kinh phục vân*” (kinh Mật Tích lại nói): “*Thử Bồ Tát năng nhập chủng chủng ngôn âm, năng thuyết pháp khai hóa*” (Vị Bồ Tát ấy có thể nhập các thứ ngôn ngữ, âm thanh, có thể thuyết pháp, khai hóa). Dùng ngôn ngữ cùng loại với ngôn ngữ của chúng sanh để giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Chưa kiến tánh sẽ chẳng có năng lực ấy; hễ kiến tánh, năng lực ấy thấy đều trọn đủ. “*Hựu Xưng Tán Đại Thừa Công Đức Kinh vân: Bàn sanh, quý đẳng, diệc văn Như Lai dĩ tùy loại âm nhi thuyết pháp*” (Lại nữa, kinh Xưng Tán Đại Thừa Công Đức<sup>2</sup> nói: Các loài bàn sanh, ngạ quỷ v.v... cũng đều nghe Như Lai dùng âm thanh tùy theo từng loại để thuyết pháp). “*Bàn sanh*” (傍生) là súc sanh, súc sanh có ngôn ngữ của súc sanh. Quỷ đạo, địa ngục đạo cũng có ngôn ngữ của họ, họ cũng có thể nghe Phật, Bồ Tát vì họ khai thị. Phật hóa độ chúng sanh, phổ độ hết thấy hữu tình trong mười pháp giới, sự cảm ứng ấy chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh có cảm, [bất luận là] súc sanh đạo hay ngạ quỷ đạo, kinh Hoa Nghiêm còn bảo: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chủng Trí*” (Hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí), đó là nói hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, vô tình chúng sanh, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa thấy đều có linh tánh. Vì thế, chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm: Thần cây, thần hoa, thần thảo mộc, trong núi, sông, đại địa có sơn thần, thổ thần, biển cả có hải thần, sông ngòi có thủy thần. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng trông thấy toàn bộ, xác thực là “*tình dữ vô tình, đồng viên Chủng Trí*”. Vì sao? Chúng ta đã đọc Hoàn Nguyên Quán, bất cứ hiện tượng vật chất nào cũng đồng thời trọn đủ hiện tượng tinh thần; chẳng hề là trong thuần vật chất chẳng có hiện tượng tinh thần, chẳng tìm thấy [một trường hợp nào như vậy]!

Ngay như một hạt vi trần cực nhỏ, trong Phật pháp gọi nó là đơn vị vật chất cơ bản, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được, nó rất ư là nhỏ. Trong Phật pháp gọi nó là “*cực vi chi vi*”, nó có phải là “*tiểu quang tử*” như khoa học Lượng Tử vừa phát hiện trong hiện tại hay không? So với hạt cơ bản được nói trong quá khứ, nó còn nhỏ hơn nữa. Một hiện tượng vật chất nhỏ nhoi ngàn ấy có đủ Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thọ là cảm nhận, có cảm nhận mừng, giận, buồn, vui. Nó có Tướng, có Hành, có Thức. Hành là tương tương tục (liên tục), chúng ta thường dùng một danh từ là Tương Tục Tương

<sup>2</sup> Kinh Xưng Tán Đại Thừa Công Đức do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường. Trong kinh ấy, khi đức Phật ngự tại điện Bảo Hoa, Đức Nghiêm Hoa Bồ Tát bèn thưa hỏi: “*Thế nào là bạn ác của Bồ Tát, Bồ Tát mới học cần phải biết để xa lìa?*”. Đức Phật bèn dạy các phương pháp để phân biệt, cũng như nói rõ tội hủy báng Đại Thừa, giảng giải các danh nghĩa Đại Thừa.

Tục Tướng (相似相續相), vì nó hoàn toàn chẳng phải là liên tục, mà là tướng liên tục tương tự (bề ngoài trông giống như liên tục), sống động! Nói theo cách hiện thời, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng, nên nó có linh tánh, chúng ta thường gọi [điều ấy] là “*thần linh*”. Để giảng các hiện tượng trong y báo, đức Phật đã dùng năm chữ, dùng rất tuyệt diệu, tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đó là y báo. Y báo và chánh báo bất nhị, chánh báo là chính mình, thân thể của chính mình cũng là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Bên ngoài, bất luận là hoàn cảnh như thế nào đi nữa, thấy đều chẳng rời khỏi Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. To thì như tinh cầu, tinh hệ; nhỏ thì như “*cực vi chi vi*”, chẳng có gì không phải là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì lẽ đó, chúng nó có thể nghe Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp. Vậy thì vì sao chúng nó vẫn phải luân hồi trong lục đạo? Hãy hỏi chính mình liền hiểu rõ ngay, chúng nó có phiền não, có nghiệp chướng. Thực vật có phiền não còn nghiêm trọng hơn chúng ta, phiền não của khoáng vật còn nghiêm trọng hơn thực vật. Nếu con người chấp trước kiên cố, sẽ biến thành tảng đá, ta biết nó là hiện tượng do tập khí phiền não tạo thành. Bởi lẽ đó, Phật, Bồ Tát thuyết pháp, khắp pháp giới hư không giới đều có thể nghe, nhưng vì sao người ấy chẳng nghe được? Tánh Nghe của người ấy bị mê, biến thành Nhĩ Thức, do Nhĩ Thức có mê hoặc nghiêm trọng, nên chẳng linh! Âm thanh thuyết pháp của đức Phật giống như sóng vô tuyến điện, khắp pháp giới hư không giới chẳng có chỗ nào không hiện diện, nhưng bộ máy của chúng ta chẳng thấu nhận được. Tai tuy nghe, nhưng chẳng tiếp nhận được thì gọi là “nghiệp chướng”. Nếu diệt trừ nghiệp chướng, quý vị không chỉ có thể nghe, mà còn có thể trông thấy. Trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi đó: Chẳng cần phải đến thế giới Cực Lạc, ở ngay nơi đây mà trông thấy A Di Đà Phật, nghe âm thanh thuyết pháp của A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây, điều này chẳng giả! Trong tự tánh chẳng có thời gian và không gian. Chẳng có thời gian là chẳng có trước sau, chẳng có không gian bèn chẳng có khoảng cách, ngay nơi đây chính là [Cực Lạc]. Cổ nhân đã nói rất hay: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có chuyện gì làm không được, hãy trách chính mình). Vấn đề chẳng ở bên ngoài, vấn đề ở nơi chính mình, bên ngoài thật sự chẳng có vấn đề! Nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, chẳng phải là “*đương hạ tựu thị*” ư? [“*Đương hạ tựu thị*” là] quá khứ và vị lai chẳng lìa hiện tại, các cõi Phật ở phương khác chẳng lìa ngay chỗ này. Kinh Phật thường bảo ban, chỉ dạy chúng ta, chúng ta phải có năng lực cảnh giác.

“*Do thượng chúng sanh vô biên*”, [nghĩa là] từ những kinh, sớ trên đây, chúng ta biết chúng sanh vô lượng vô biên, “*chúng sanh ngữ ngôn diệc thị đa chủng, đản Pháp Thân đại sĩ tất năng giải liễu, tùy kỳ bốn loại ngôn âm, nhi vị thuyết pháp, ứng cơ tùy duyên, phổ tác nhiều ích*” (chúng sanh vô biên,

nên ngôn ngữ của chúng sanh cũng có nhiều thứ, nhưng Pháp Thân Đại Sĩ đều hiểu rành rẽ, thuận theo ngôn ngữ của từng loại mà thuyết pháp, thuận theo căn cơ để tùy duyên làm lợi cho khắp tất cả). Chữ “*Pháp Thân*” trọng yếu lắm, phải như thế nào thì mới có thể chứng đắc Pháp Thân? Buông phân biệt và chấp trước xuống vẫn chưa được. Buông phân biệt và chấp trước xuống, quý vị ở trong mười pháp giới, chưa vượt thoát, chưa thể khôi phục năng lực như vậy. [Tuy vậy, người buông xuống như thế] thông minh hơn người thế gian chúng ta, chẳng còn phải bàn cãi gì nữa! Vì buông chấp trước xuống, quý vị là A La Hán, hay là Bích Chi Phật. Buông phân biệt xuống, quý vị là Bồ Tát, Quyền Giáo Bồ Tát, chưa kiến tánh. Nếu công phu nâng cao hơn một tầng, buông vọng tưởng xuống, vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm. Chuyện này vô cùng vi tế, gần như là bản thân chúng ta chẳng thể nhận biết. Chấp trước phát hiện dễ dàng, phân biệt cũng dễ dàng nhận biết, nhưng khởi tâm động niệm chẳng dễ nhận biết. Vì lẽ đó, buông xuống cũng là có tầng lớp. Đức Phật dạy chúng ta: Đầu tiên là buông chấp trước xuống. Thật sự buông chấp trước xuống, chẳng thấy lục đạo. Do đó, chúng ta phải biết: Ta có phải là đã buông xuống chấp trước hay không? Thật sự buông chấp trước xuống, lục đạo bèn chẳng còn nữa, quý vị đã vượt thoát lục đạo luân hồi.

Nhưng thân thể vẫn ở trong lục đạo, chẳng sao cả, chẳng trở ngại tí nào! Khi chúng sanh cần đến quý vị, thân thể này của quý vị có thể trụ trong thế gian thêm vài năm nữa! Cớ sao nói là “*chẳng sao cả*”? Chẳng có mấy may lưu luyện thế gian này, quý vị thật sự buông xuống. Buông xuống nhưng quý vị chẳng đi, thân thể vẫn ở trong thế gian này, đó là gì? Đó là Bồ Tát, ở lại nơi đây để làm gương mẫu, nêu gương biểu diễn pháp cho hết thảy chúng sanh. Chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh, dạy chúng sanh tu hành như thế nào? Dạy chúng sanh thành tựu như thế nào? Nhìn vào gương ấy là được rồi. Đó là điều thứ hai trong Tứ Đức như sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng: “*Oai nghi hữu tắc*” (oai nghi đúng khuôn phép), [nghĩa là] nêu gương cho chúng sanh. Thân hành ngôn giáo nhằm độ chúng sanh; hết duyên, tự nhiên ra đi. “*Hết duyên*” là gì? Người có thể tiếp nhận [sự giáo hóa của] quý vị đều đã đạt được lợi ích, còn sót lại những kẻ chẳng thể tiếp nhận, không tin tưởng, quý vị bèn ra đi, Phật chẳng độ kẻ vô duyên. Không tin tưởng, không lý giải, không tiếp nhận chính là “*chẳng có duyên*”, lúc ấy có thể ra đi. Nếu đạt đến chẳng phân biệt thì càng cao hơn, cao hơn A La Hán và Bích Chi Phật; đó là Phật và Bồ Tát trong mười pháp giới, phải thuộc tầng cấp ấy thì mới biết sự khởi tâm động niệm của chính mình. Có thể buông khởi tâm động niệm xuống, liền vượt thoát mười pháp giới, đạt đến Nhất Chân pháp giới, ngự trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, Bồ Tát, đạt đến đó. Đó là Pháp Thân đại sĩ; những vị Bồ Tát ở đây đều là Pháp Thân đại sĩ.

Giống như trong kinh luận đã nói, các Ngài “*tất năng giải liễu*” (thầy đều có thể hiểu rõ), có thể tùy thuận ngôn ngữ và thói quen của chúng sanh, vì họ thị hiện, vì họ giảng kinh, thuyết pháp. “*Ứng cơ tùy duyên, phổ tác nhiều ích*” (thuận theo căn cơ, tùy duyên, tạo lợi ích trọn khắp). Các chúng sanh ấy rất ưa chuộng chỗ này, Bồ Tát bèn thuận theo chúng sanh: “Quý vị thích chỗ này à? Được rồi, tôi liền giúp cho quý vị thường trụ ở nơi đây”.

Quý vị ưa chuộng nhân gian, liền giảng cho quý vị nhân đạo (人道). Nhân đạo là gì? Đạo lý để đời đời kiếp kiếp chẳng đánh mất thân người, “đạo” là đạo lý và phương pháp. Đời sau, sau khi bỏ thân này, lại sanh trong nhân gian, [đạo lý và phương pháp để thành tựu điều ấy] được gọi là “nhân đạo”. Nhân đạo là gì? Thập Thiện, Ngũ Giới, Phật có thể dạy quý vị chuyện này, dạy quý vị về giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, quý vị sẽ chẳng mất thân người, lại còn sống mỗi đời một tốt đẹp hơn, sống hạnh phúc hơn, quý vị ưa chuộng nơi này. Nếu quý vị cảm thấy nhân gian chưa đủ tốt đẹp, nghe nói cõi trời tốt lành, đức Phật liền giảng thiên đạo, tức là đạo lý và phương pháp sanh lên trời. Thật sự giác ngộ, giác ngộ luân hồi trong lục đạo quá khổ, tôi muốn thoát ly lục đạo luân hồi, Phật liền giảng cho quý vị Tiểu Thừa đạo; Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát đều thuộc về đạo Tiểu Thừa vì thoát ly lục đạo luân hồi, sanh vào tứ thánh pháp giới. Khi nào ở trong tứ thánh pháp giới, bỗng giác ngộ tứ thánh pháp giới chẳng rốt ráo, luân hồi khổ sở, tứ thánh pháp giới có lạc, đúng là ly khổ đắc lạc, nhưng tứ thánh pháp giới vẫn là mê hoặc tự tánh y như cũ, vô lượng trí huệ và đức năng trong tự tánh chẳng thể hiện tiền. Do đó, đức Phật hiện thân trong tứ thánh pháp giới, nêu gương tốt đẹp khiến cho các vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong tứ thánh pháp giới trông thấy, sanh khởi tâm ngưỡng mộ, cũng mong đắc đại tự tại, đắc vô lượng trí huệ giống như các vị Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát có thể dạy họ hồi Tiểu hướng Đại, chuyển phàm thành thánh. Tuy các vị ấy là tiểu thánh, nhưng vẫn là phàm phu, được gọi là “ngoại phàm”, tức phàm phu ở ngoài lục đạo. Từ chỗ này, chúng ta thấy Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, chúng ta phải học điều này. Có sao Phật, Bồ Tát tâm bình khí hòa dường ấy? Chúng ta đạt được một chút tốt đẹp gì, thường hận chẳng kịp dạy mọi người đều học theo, nhưng thường dẫn đến phản tác dụng, chẳng giống như Phật, Bồ Tát ôn trọng dường ấy, vĩnh viễn là thuận lợi, chẳng khởi phản tác dụng. Chúng ta phải học điều này, chớ nên không biết!

Lại xem phần tiếp theo: “*Ác thú chúng sanh, diệt văn Như Lai chi tùy loại âm, nhi đắc văn pháp đắc độ*” (chúng sanh trong đường ác cũng nghe âm thanh của đức Như Lai tùy theo từng loài mà được nghe pháp, đắc độ). Đối với gì? Đối với ba ác đạo! Chúng sanh trong súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo và địa ngục đạo cũng nghe âm thanh thuyết pháp do đức Như Lai tùy loại hiện thân mà cũng đắc độ, chúng ta cũng thường nghe những tin tức này.

Trong mỗi lần làm pháp hội Tam Thời Hệ Niệm, có chúng sanh trong địa ngục và ngạ quỷ đạo vãng sanh hay không? Có, nhưng không nhiều lắm, chỉ là thiểu số. Đa số sanh lên trời, người sanh vào Tứ Vương Thiên, hoặc sanh trong Đạo Lợi Thiên rất nhiều, cũng có người lại sanh vào nhân đạo. Nhưng trong số ấy, đại khái là một nửa vẫn ở trong ngạ quỷ đạo, chúng sanh tội nghiệp nặng nề chẳng phải là một lần, hai lần bèn có thể siêu độ. Do đó, đối với loại pháp hội siêu độ này, hai năm trước, chúng tôi lập một pháp hội siêu độ Tam Thời Hệ Niệm suốt bốn mươi chín ngày tại Thật Tế Thiên Tự ở Lu Giang, nhằm siêu độ chúng sanh các giới ở nơi ấy; bèn có tin tức báo cho chúng tôi biết: “Sẽ có tai nạn rất lớn, thời gian rất dài, [làm pháp hội] bốn mươi chín ngày chẳng thể giải quyết vấn đề ấy”. Tôi liền hỏi người ấy: “Thời gian có tai nạn sẽ dài bao lâu?” “Tối thiểu là ba năm”. Chúng ta làm pháp hội này như thế nào? [Quý thần] mong chúng tôi làm pháp hội một trăm thất. Một trăm thất là bảy trăm ngày! Khi ấy, tôi liền thương lượng với phương trượng lão hòa thượng, lão hòa thượng rất từ bi, dứt khoát đáp ứng ngay. Do đó, pháp hội bảy trăm ngày chưa bao giờ có, trong quá khứ, chưa có ai từng làm; chúng ta mở ra lệ này, mỗi ngày làm một hội Tam Thời Hệ Niệm, suốt bảy trăm ngày chẳng gián đoạn.

Chuyện này do chúng sanh trong linh giới khái thỉnh, có hiệu quả hay không? Có, tôi biết rất rõ; nhưng đó vẫn là trị đặng ngọn, chẳng phải là trị tận gốc. Nền giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật trị cả gốc lẫn ngọn, đó là công phu thật sự. Chuyện “*đau đầu trị đầu, đau chân trị chân*” có hữu hiệu hay không? Hữu hiệu, nhưng là hữu hiệu tạm thời. Làm bảy trăm ngày, hai năm, nếu chỉ có ba tháng, hoặc nửa năm bèn dừng, ắt bệnh cũ lại phát, chẳng dứt tận gốc. Chúng ta cũng thấy trong các tôn giáo làm lễ cầu nguyện, pháp hội Phật sự của chúng ta có ý nghĩa giống như cầu nguyện. Họ cầu nguyện rất thành khẩn, mỗi ngày sáng tối đều cầu, tuy thời gian chẳng dài, nhưng khi họ cầu nguyện bèn nhất tâm, nguyên lý hoàn toàn giống nhau: Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chẳng phải là không khởi tác dụng. Vì sao xã hội hiện thời vẫn hỗn loạn dường ấy? Vì sao tai biến trên địa cầu vẫn dày đặc ngàn ấy? Chúng ta bèn thấu hiểu cách làm ấy là trị đặng ngọn, chẳng trị tận gốc! Hãy nên làm như thế nào? Tôi kiến nghị tất cả các tôn giáo trên thế giới, mong họ đều có thể trở về giáo học, nghiêm túc giảng giải kinh điển rõ ràng, minh bạch, thực hiện đúng theo giáo huấn trong kinh điển. Những gì kinh điển chỉ dạy, chúng ta đều có thể thực hiện, biến chúng thành tư tưởng và hành vi của bản thân chúng ta. Nhà Phật nói ba nguyên tắc lớn là Giới, Định, Huệ, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều hữu hiệu, đều cần phải tuân thủ. Do Giới đắc Định, do Định khai Huệ; chỉ cần thực hiện Giới, xã hội liền an định, tai nạn trên địa cầu sẽ được hóa giải trên một mức độ lớn, có thể khôi phục bình thường. Nếu có thể đạt được tam-muội như trong tựa đề kinh này đã nói, quý vị thật sự đạt được tâm

thanh tịnh, tâm bình đẳng, lục đạo luân hồi sẽ chẳng còn nữa. Lục đạo biến thành gì? Lục đạo biến thành Tĩnh Độ, biến thành tứ thánh pháp giới, chúng ta thường nói là “thiên đường xuất hiện trong nhân gian!” Nếu đại triệt đại ngộ, thế giới này liền biến thành thế giới Cực Lạc, biến thành thế giới Hoa Tạng. Phải biết: Kinh dạy chẳng sai tí nào! Tức là “*cảnh chuyển theo tâm*”, hoàn cảnh cư trụ của chúng ta chuyển biến theo tâm. Tâm chúng ta tốt lành, chẳng có điều gì không tốt lành!

Do vậy, nói theo lý, địa cầu và Tây Phương Cực Lạc thế giới có sai biệt hay không? Chẳng có sai biệt mảy may! Bất đồng ở chỗ nào? Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thượng thiện nhân, chẳng có một ác niệm. Ý niệm chẳng có, lấy đâu ra ác ngôn, ác hạnh? Những thứ đó đương nhiên chẳng có, nên thế giới ấy là thuần tịnh, thuần thiện, là thế giới Cực Lạc. Thế giới hiện tại của chúng ta đúng là ngũ trược ác thế, “*trược*” (濁) là nhiễm ô. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều là nhiễm ô; Thập Ác, giết, trộm, dâm, dối, nói dối chiều, nói thêu dệt, ác khẩu, lại còn tham, sân, si. Cảnh chuyển theo tâm, nay chúng ta có tâm thái như vậy, đó là một tâm thái cực bất thiện, nên xã hội và địa cầu của chúng ta có khuyết điểm, khuyết điểm chính là tai nạn hiện tiền. Thật sự thông đạt những đạo lý ấy, liễu giải chân tướng sự thật, tai nạn gì cũng đều có thể hóa giải, tai nạn là gì? Biến đổi theo lòng người. Lòng người thiện, hết thảy đều chuyển theo. Chúng sanh trong nẻo ác nghe pháp đắc độ có mối quan hệ rất lớn với chúng ta, vì sao? Nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy những chúng sanh ấy, nhưng họ thật sự tồn tại, tâm hạnh của họ bất thiện sẽ nhiều loạn từ trường của chúng ta. Không gian sống của chúng ta chẳng thanh tịnh, khí phận chẳng tốt, khiến cho con người có cảm nhận không tốt, đó chính là họ ảnh hưởng đến chúng ta. Ảnh hưởng nặng hơn một chút, sẽ khiến cho đầu óc chúng ta chẳng sáng suốt, mê hoặc, dẫn phát tập khí phiền não, đạo lý ở chỗ này! “*Thử minh hội trung chư đại sĩ, giai hữu như thị trí huệ biện tài dĩ công đức oai lực dã*” (Đoạn kinh này chỉ rõ: Các Đại Sĩ trong hội đều có trí huệ biện tài và công đức oai lực như thế), các vị đại sĩ ấy đang âm thầm giúp đỡ chúng ta. Tuy chúng ta chẳng có ý niệm cầu các Ngài rõ rệt, nhưng các Ngài biết; chúng ta có tâm mong giải quyết những khó khăn ấy, các Ngài biết ý niệm ấy, đó gọi là “*minh cảm*” (冥感: cảm ứng ngầm ngầm), các Ngài ứng cũng có hiển (rõ rệt) hoặc ẩn (âm thầm). Nếu chúng ta phiền não nhẹ nhàng, tâm tương đối thanh tịnh, bèn có năng lực cảm nhận rất rõ rệt các Ngài đang giúp đỡ chúng ta. Nếu chúng ta phiền não nặng nề, sẽ chẳng thể cảm nhận được!

Chúng ta lại xem câu kinh văn kế tiếp: “*Khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”. Trước hết, phải hiểu rõ rành, rành rẽ ý nghĩa nơi văn tự; thời cổ gọi chuyện này là “*tiêu văn*” (消文). “*Khai hóa giả, tức Pháp Hoa kinh chi khai*

*Phật tri kiến. Hiện thị giả, tức thị Phật tri kiến*” (Khai hóa chính là “khai Phật tri kiến” trong kinh Pháp Hoa. Hiện thị là “thị Phật tri kiến”); dùng ý nghĩa trong kinh Pháp Hoa để giải thích. Chư vị phải biết: Trong tự tánh của mỗi cá nhân chúng ta đều trọn đủ Phật tri kiến, Phật tri kiến là gì? Là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Câu kinh Hoa Nghiêm ấy chính là Phật tri kiến, hết thấy chúng sanh đều có. Đều có, nhưng như thế nào? Đã mê, chúng ta mê mất tự tánh, nên chẳng thấy Phật tri kiến. Hiện thời là tri kiến gì? Hiện thời là tri kiến của chúng sanh, lại còn là tri kiến rất bất thường của chúng sanh. Người thời cổ, chúng tôi nói đến người Hoa, thuở ấy có bậc thánh hiền giáo huấn. Thiên Lễ Vận Đại Đồng được chép trong sách Lễ Ký là thời đại nào? Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, đặc biệt là Nghiêu, Thuấn, Vũ. Khổng Tử khẳng định xã hội thuở ấy là một thế giới đại đồng. Khổng Tử nhận định các đời Hạ, Thương, Châu từ sau Vương Khải<sup>3</sup> trở đi là thời Tiểu Khang, cũng còn khá lắm. Khổng Tử ra đời nhằm khi ấy, Ngài sanh vào thời Xuân Thu, Mạnh Tử sanh nhằm thời Chiến Quốc<sup>4</sup>, họ nghĩ thời ấy đã nhằm thời loạn. Bất quá, đời loạn thuở đó, quân vương tuy là tự tư tự lợi, vẫn còn có chút bóng dáng nhân nghĩa, khởi tâm động niệm còn có luân lý, đạo đức, nhân quả bó buộc. Cũng có thể nói là tuy chẳng làm được điều gì ra hồn, nhưng vẫn còn chưa chệch choạc quá mức; càng về sau, đúng là mỗi thế hệ sau kém hơn thế hệ trước. Dẫu trong đời Hán, xuất hiện thời thịnh trị Văn Đế và Cảnh Đế, nhà Đại Đường xuất hiện các thời Trinh Quán đời Đường Thái Tông, thời Khai Nguyên dưới đời Đường Minh Hoàng, được gọi là “*thịnh thế*” (thời thịnh trị). Tới thời gần đây, chúng ta thấy những vị đế vương khai quốc các triều đại Minh, Thanh hãy còn khá lắm, vẫn có thể gọi là “*thịnh thế*”, có

<sup>3</sup> Vương Khải, tức là Hạ Khải (2197-2188) trước Công Nguyên, là vị vua thứ hai trong vương triều nhà Hạ, là con vua Vũ. Ông tính tình lạnh lùng, cương nghị, nhưng tiết kiệm, kính lão, tôn hiền, chăm chỉ nên được mọi người kính trọng. Khi còn sống, vua Hạ Vũ tính truyền ngôi cho Cao Dao, nhưng Cao Dao mất sớm, nên truyền ngôi cho Bá Ích. Do mọi người kính trọng Hạ Khải, nên Bá Ích bèn nhường ngôi cho Hạ Khải. Việc Hạ Khải nối ngôi Hạ Vũ đã mở đầu truyền thống cha truyền con nối, chấm dứt chế độ “truyền hiền” của các triều đại trước đó. Theo dã sử, Hạ Khải đã đánh nhau với Bá Ích để giành ngôi vua, cũng như chinh phạt bộ lạc Hữu Hộ, cũng như đánh dẹp các con nổi loạn vì họ muốn giành ngôi với thái tử Thái Khang. Hạ Khải đã lưu đày đứa con út hung hăng nhất là Vũ Quan đến Tây Hoàng Hà. Do đó, từ thời của Hạ Khải trở đi, không còn là thời đại thế giới đại đồng nữa, mà chỉ gọi là Tiểu Khang (hàm ý tạm được, khá an ổn, tuy có chiến tranh, loạn lạc, nhưng chưa đạt đến mức khốc liệt dữ dội như thời Chiến Quốc, quân vương chưa đến nỗi quá sức bạo ngược).

<sup>4</sup> Xuân Thu là giai đoạn từ năm 770 đến 476 trước Công Nguyên, tức là kể năm đầu của triều đại Châu Bình Vương cho đến năm bốn mươi ba đời Châu Kính Vương (khi ba gia đình quý tộc tiêu diệt hoàng tộc nước Tấn, tách Tấn ra thành ba nước Triệu, Ngụy, Hàn). Trong giai đoạn này, thế lực nhà Châu suy sụp, các vua chư hầu lần lượt nổi lên tranh hùng xưng bá, đặc biệt là Ngũ Bá (Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Sở Trang Vương). Tên gọi này xuất phát từ bộ sử Xuân Thu của Khổng Tử (thường gọi là kinh Xuân Thu).

Thời Chiến Quốc kể từ năm 476 đến năm 221 trước Công Nguyên (tức là kể từ thời nước Tấn tách thành ba nước cho đến khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Nguyên). Do các nước liên tục đánh nhau không ngừng, nên gọi là Chiến Quốc.

thể gọi là thời Tiểu Khang hay không? Vẫn chưa thể nói được! Chúng ta xét xem thánh nhân dựa theo tiêu chuẩn nào?

Tình hình này được tạo thành như thế nào? Nói theo Phật pháp thì là “*tùy nghiệp lưu chuyển*” (do nghiệp mà lưu chuyển), chúng sanh tạo nghiệp khác nhau, nên chịu khổ, hưởng vui khác biệt. Trung Quốc mấy ngàn năm duy trì cục diện như vậy, gần như là cục diện Tiểu Khang, dựa vào đâu? Cây vào công đức của nền giáo dục. Có thể nói lịch đại đế vương của Trung Hoa, xét theo lịch sử, theo ngành khảo cổ phát hiện, vào thời Hoàng Đế mới có văn tự ghi chép, trước thời Hoàng Đế chẳng có văn tự. Nhưng theo phát hiện của ngành khảo cổ, truy ngược về Toại Nhân Thị<sup>5</sup>, tức là còn là trước thời Phục Hy, [các triều đại tiếp theo Toại Nhân là] Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, từ Toại Nhân Thị đến Hoàng Đế ước chừng một ngàn năm, từ Hoàng Đế đến thời đại hiện tại là bốn ngàn năm trăm năm, tính gộp chung toàn thể là hơn năm ngàn năm trăm năm. Thử đó coi trọng giáo dục, nên Trung Quốc được gọi là “*lễ nghĩa chi bang*”, có nguyên do lâu dài như vậy. Lễ nghĩa chi bang đã được tiến hành ở Trung Quốc tối thiểu là hơn năm ngàn năm; nhưng trong một thế kỷ gần đây đã bỏ sót [giáo dục], chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Nếu chẳng có giáo dục luân lý, luân lý là nói đến mối quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và hết thảy chúng sanh, quan hệ với động vật, quan hệ với hoa, cỏ, cây cối, quan hệ với núi, sông, đại địa; nếu quý vị hiểu rõ, minh bạch [các mối quan hệ ấy], tâm từ bi sẽ sanh khởi, chúng ta thường nói là “*ái tâm*” (tâm yêu thương). Hiểu rõ các mối quan hệ, quý vị sẽ yêu thương gia tộc, yêu thương cha mẹ, yêu thương dòng họ. Hiểu rõ sinh vật, phải học chuyện này, quý vị sẽ có ái tâm đối với hoa, cỏ, cây cối. Hiểu rõ hoàn cảnh địa lý, quý vị sẽ có ái tâm đối với núi, sông, đại địa. Ái tâm vốn sẵn có trong bản tánh của quý vị; nhưng nếu chẳng học, nếu chẳng dạy và chẳng học, tuy có, nó chẳng khởi tác dụng, giống như kinh Phật đã dạy: Quý vị có Phật tánh, quý vị vốn là Phật, nhưng nếu quý vị không học, sẽ vĩnh viễn là phàm phu, vĩnh viễn luân hồi trong lục đạo, chẳng thành Phật! Do đó, giáo học quá trọng yếu! Chỉ có nghiêm túc học tập thì chúng ta mới có thể trở về tự tánh.

Tại Trung Quốc, mục tiêu chung cực của nền giáo dục truyền thống là gì? Nhằm sanh lên trời. Sống trong nhân gian một đời này, nếu làm người tốt, đời sau sẽ được sanh lên trời. Đó là mục tiêu của giáo dục truyền thống

---

<sup>5</sup> Theo truyền thuyết, Toại Nhân là người đầu tiên phát hiện ra lửa, dạy cho nhân dân dùng lửa nấu chín thức ăn; đôi khi Toại Nhân được coi là một trong Tam Hoàng. Theo phát hiện của ngành khảo cổ, Toại Nhân Thị chính là một thị tộc cổ Trung Hoa theo chế độ mẫu hệ, sống chủ yếu bằng săn bắn, biết dùng gỗ lấy lửa, hoặc đập đá cho xẹt ra lửa. Hiện thời, vùng Ân Khư vẫn còn di tích của họ. Toại Nhân được coi là thời vua đầu tiên của Trung Hoa. Sau Toại Nhân là Phục Hy và Thần Nông (theo Thượng Thư). Sau họ Thần Nông là các đời vua Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn (gọi chung là Ngũ Đế). Toại Nhân, Phục Hy và Thần Nông thường gọi chung là Tam Hoàng.



Trung Quốc. Thực hiện luân lý, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chẳng rời khỏi tiêu chuẩn ấy, kinh Phật nói đó là “nhân đạo” (đạo làm người), thực hiện [nhân đạo] tốt đẹp là thiên đạo. Đời này, chúng ta may mắn được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, nay mục tiêu của chúng ta được mở rộng trên một mức độ lớn, mục tiêu ở chỗ nào? Nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là đạo thù thắng khôn sánh trong Phật đạo, phải nắm vững cơ hội! Đọc kinh Vô Lượng Thọ là tu học Phật đạo viên mãn rốt ráo. Bởi lẽ, chúng ta có Phật tri kiến, nhưng nếu chẳng được thiện tri thức khai thị, Phật tri kiến của chúng ta vĩnh viễn bị phủ lấp, chẳng khởi tác dụng. Mục tiêu giáo học trong Đại Thừa Phật pháp là “*khai Phật tri kiến*”, đó là ngôn giáo (dạy bằng lời lẽ). Hiện thị là “*thị Phật tri kiến*”, là thân giáo (giáo dục bằng cách chính mình làm gương). Quý vị thấy đó, các Ngài không chỉ dùng ngôn giáo, mà còn phải làm cho chúng ta thấy, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, vì sao? Suốt một trăm năm đã vứt sạch những thứ truyền thống, thời gian ấy chẳng kể là dài, nhưng cũng chẳng ngắn! Từ bốn thế hệ đến năm thế hệ, vứt bỏ đã lâu ngàn ấy, tìm lại nó, nhất định gặp khó khăn!

Trong quá khứ, chúng tôi đề xướng toàn dân học tập Đệ Tử Quy, tạo được một chút thành tích, cũng sanh ra ảnh hưởng, thậm chí chúng tôi có thể nói là ảnh hưởng tới toàn thể thế giới. Hiện thời, ở khắp nơi trên cả thế giới có rất nhiều nơi học tập Đệ Tử Quy rất nghiêm túc. Tôi thấy đã có bản dịch [Đệ Tử Quy bằng] tiếng Anh, bản dịch bằng tiếng Mã Lai, bên Nam Dương đang học tập phổ biến. Chúng tôi giải tán trung tâm Lư Giang, nhưng ở Mã Lai, họ thành lập một trung tâm ở Cát Long Ba (Kuala Lumpur) để tiếp tục làm, ảnh hưởng tới Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba và Nam Dương, lại còn ảnh hưởng tới Úc Châu ở phương Nam. Đây là một chuyện tốt đẹp, chánh phủ Mã Lai duy trì, nhân duyên hiếm có! Vì nếu chẳng nêu gương, tuyên truyền trong hiện tại, chúng ta thấy có nhiều người làm, lập các khóa giảng khác nhau, đều nhằm tuyên dương Đệ Tử Quy, mà chẳng có một thí điểm cho mọi người nhìn vào, tín tâm sẽ chẳng thể kiên định. Nếu có một nơi giống như trung tâm Lư Giang tiếp tục thực hiện, nếu nói mà quý vị chẳng tin tưởng, hãy đến đó xem. Vừa xem, sẽ có ấn tượng hết sức sâu đậm. Sanh ra ảnh hưởng đối với người ngoại quốc vì rất nhiều người ngoại quốc đến thăm Lư Giang, tin tưởng, họ còn ở lại trung tâm ấy vài hôm, nghiêm túc phỏng vấn, khảo sát ở đó. Vì thế, trong xã hội hiện thời, nhất định phải nêu gương, người Hoa nói là “*làm mẫu*”, vô cùng quan trọng! Dùng một tiểu trấn để làm thí nghiệm. Hiện thời ở Đài Loan có hai chỗ, một chỗ ở miền Bắc và một chỗ ở miền Nam, đang thí nghiệm. Sau khi đã thành lập thí điểm, người trên cả thế giới đều muốn đến xem, đều muốn học tập. Nay Mã Lai cũng đang tích cực thực hiện, dùng một tiểu hương trấn để làm thí điểm, sau đây mới có thể thật sự mở rộng. Đó là gì? Thị Phật tri kiến, phải làm ra cho

người ta thấy, chỉ nói suông sẽ không được! Ngôn thuyết là tuyên truyền; nêu gương thì người ta sẽ nghiêm túc học tập.

Do đó, “*khai hóa hiển thị chân thật chi tế*” thì Tế (際) có nghĩa là “*cứu cánh biên tế*” (bờ mé rớt ráo), rớt ráo là bờ mé, bờ mé là rớt ráo. “*Chân thật chi tế giả, Phật chi tri kiến dã*” (Chân Thật Tế chính là tri kiến của Phật). Mục tiêu chung cực của kinh Pháp Hoa là “*khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến, chứng Phật tri kiến*”, khai, thị, ngộ, nhập; “*nhập*” là chứng. Phật tri kiến là gì? Phật tri kiến là tự tánh. Mục tiêu chung cực là trở về tự tánh, trong Thiền Tông nói [chuyện này] là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Minh tâm kiến tánh là Chân Thật Tế, là “tri kiến của Phật” như kinh Pháp Hoa đã nói. Trí huệ và đức tướng trong tự tánh của chúng ta đều tỏ lộ, trong Phật pháp gọi điều đó là “thành Phật”. Nay chúng ta mê mất tự tánh, tức là mê mất Phật tri kiến, hiện thời biến thành tri kiến của chúng sanh. Tri kiến hiện thời của chúng ta rất bất hảo! Quý vị hãy suy nghĩ, tri kiến phổ biến trong xã hội hiện tại là gì? Dùng hai chữ để biểu thị, quý vị có thừa nhận hay không? Một là tài, hai là sắc. Tri kiến của con người hiện thời, trừ tài và sắc ra, họ còn biết điều gì nữa? Hiện thời, khắp nơi trên địa cầu, tri kiến này là phổ biến. Quý vị hỏi họ, họ yêu thích nhất, rất mong đạt được điều gì? Một là của cải, hai là sắc, hai thứ ấy, niệm niệm chẳng quên các thứ ấy. Trong kinh, đức Phật đã nói về hai thứ ấy rất hay, “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”. Đức Phật bảo năm thứ ấy được gọi là “năm cội rễ của địa ngục”. Hễ nói đến tài sắc, chắc chắn sẽ liên quan ba điều sau. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là tri kiến phổ biến trong xã hội hiện tại, chính là những thứ đó! Trong Phật pháp, chúng được gọi là gì? Năm loại dục vọng! Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ được gọi là Ngũ Dục, đáng sợ quá! Đó là năm cội rễ của địa ngục, hễ có một điều là không được rồi. Trọn đủ cả năm điều, quý vị hãy nghĩ xem tương lai sẽ đi về đâu? Phiền phức khá lớn! Chúng ta chẳng học Phật bèn không biết, học Phật mới biết rõ ràng, rành rẽ, đầu tiên là phải cứu chính mình. Chúng ta ắt phải nhảy ra khỏi hố sâu Ngũ Dục, tự cứu rồi sau đó mới có thể cứu người khác. Chính mình chẳng cứu bản thân được, làm sao có thể cứu chúng sanh? Câu này vẫn chưa giảng xong ý nghĩa mà đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây, ngày mai chúng tôi lại tiếp tục. Cảm ơn mọi người.